TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOA LU** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST Ngày: 15/11/2019 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Quế.

2. Ông Nguyễn Văn Khuyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Xuân T. Sinh năm: 1987.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H. Sinh năm: 1986.

Đều trú tại: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Anh T, chị H đều vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Bà Đinh Thị K, trú tại: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2019 và các bản tự khai, nguyên đơn - anh Đinh Xuân T trình bày:

Anh và chị Trần Thị H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn số 20, ngày 19/03/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại thôn K, xã N, huyện H, tỉnh

Ninh Bình. Năm 2014, chị H đi xuất khẩu lao động ở nước Nga. Năm đầu, chị H có gửi tiền về cho anh, sau đó thì không gửi nữa. Mặt khác, anh có nghe được tin chị H có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh yêu cầu chị H về nước nhưng chị H không về. Anh đã định xin ly hôn chị H nhưng do chị H đang lao động ở nước ngoài nên anh không làm được. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H cũng đã về địa phương và đồng ý ly hôn với anh. Bản thân anh cũng đã có tình cảm với người khác. Đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Sau khi tòa án thụ lý vụ án, chị H có nói với bố mẹ anh là lên Hà Nội làm nhưng không cho ai biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Chị H vẫn dùng điện thoại gọi điện về cho bố mẹ anh để gặp các con nhưng không liên lạc với anh và anh cũng không thể liên lạc được với chị H. Do tính chất công việc của anh rất bận, chị H lại không chịu hợp tác nên anh đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải nữa và anh xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh Đinh Xuân T trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Xuân Tr, sinh ngày 25/01/2011 và cháu Đinh Tùng D, sinh ngày 11/01/2013. Tại đơn khởi kiện, anh T đề nghị tòa án giải quyết cho anh và chị H, mỗi người được nuôi một trong hai cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại các bản tự khai, anh T trình bày, khi anh nộp đơn xin ly hôn, chị H đồng ý để anh nuôi hai con chung nhưng sau đó, anh nghe mẹ anh nói là chị H muốn nhận nuôi hai con nhưng muốn nhờ bố mẹ anh chăm sóc hai cháu, hàng tháng chị H sẽ gửi tiền về cho bố mẹ anh để bố mẹ anh lo cho hai cháu. Anh thấy chị H đã bỏ nhà đi, không quan tâm gì đến các con nên anh đề nghị tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập của anh bình quân là 9.000.000 đồng/tháng đủ để nuôi dưỡng các cháu và bố mẹ anh cũng hỗ trợ giúp anh để nuôi các cháu. Trong trường hợp chị H có ý kiến với tòa án muốn trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh chỉ đồng ý để chị H được nuôi 01 cháu còn anh sẽ nuôi 01 cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Quan điểm, ý kiến của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập chị Trần Thị H đến tòa án làm việc nhưng chị H không đến và cũng không có quan điểm, ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Người làm chứng - bà Đinh Thị K trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Đinh Xuân T. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị H chung sống cùng với vợ chồng bà tại thôn K, xã N. Anh T, chị H thống nhất để chị H đi xuất khẩu lao động tại Nga với thời hạn 3 năm để phát triển kinh tế gia đình. Hết thời hạn 3 năm, anh T không đồng ý để chị H tiếp tục lao động ở nước ngoài nhưng chị H vẫn ở lại thêm 02 năm. Đến tháng 7 năm 2019, chị H về nước tiếp tục chung sống cùng

gia đình bà. Quá trình lao động ở nước ngoài, đến năm thứ hai chị H có gửi tiền về cho anh T (bà cũng không hỏi cụ thể là bao nhiêu) sau đó thì chị H sợ anh T tiêu sài hết tiền của chị gửi về nên không gửi tiền cho anh T nữa mà gửi cho vợ chồng bà một ít để nhờ vợ chồng bà lo cho con cái của anh chị. Vợ chồng anh T, chị H có mâu thuẫn từ khi chị H còn ở nước ngoài do anh T nghi ngờ chị H ngoại tình, anh T yêu cầu chị H về nước nhưng chị H không về. Chị H ở nước ngoài cũng nghi ngờ anh T ngoại tình. Chính vì vậy, vợ chồng anh T đã khúc mắc trong thời gian dài. Khi chị H về nước, gia đình bà cũng đã khuyên bảo vợ chồng anh T, chị H nhưng anh T, chị H không nghe, nhất quyết đòi ly hôn. Khi anh T nộp đơn lên Tòa án để ly hôn, chị H có nói đồng ý ly hôn và đã ký để anh T ly hôn đơn phương, chị H sẽ không đến tòa án để giải quyết ly hôn. Sau đó, chị H xin phép lên Hà Nội làm ăn. Địa chỉ cụ thể của chị H bà không biết. Từ khi đi, chị H vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với vợ chồng bà và các con ngày hoặc 02 ngày một lần. Trước khi chị H đi Hà Nội, hai vợ chồng thống nhất ly hôn và để con cho anh T nuôi nhưng sau đó bà được biết chị H cũng muốn nhận nuôi con nhưng nếu anh T nhận nuôi con thì chị cũng kệ anh T. Hiện tại, gia đình bà không có cách nào liên lạc với chị H vì chị H không liên lạc với gia đình bà nữa. Gia đình bà gọi điện cho chị H nhưng chị H không nghe.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Đinh Xuân Tr là con chung của anh T, chị H. Cháu Đinh Xuân Tr có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng anh T, chị H chung sống. Chính quyền cơ sở xã N cho biết: Vợ chồng anh T, chị H sống cùng bố mẹ anh T tại xóm K, xã N. Chị H có đi lao động xuất khẩu và mới về sinh sống tại địa phương. Sau khi chị H về nước, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị H nghi nghờ anh T ngoại tình. Gia đình anh T đã khuyên bảo, hòa giải để hai vợ chồng anh T, chị H đoàn tụ nhưng chị H không nhất trí bỏ qua cho anh T, cho rằng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Gần đây, chị H không có mặt ở địa phương, chị H ở đâu, làm gì, chính quyền địa phương không biết. Chị H không xin tạm vắng và cũng không làm thủ tục chuyển khẩu đi nơi khác. Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Đinh Xuân Tr và cháu Đinh Tùng D. Các cháu đang ở với anh T tại địa phương và được bố mẹ anh T hỗ trợ chăm sóc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, đều xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định và đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại tòa án để giải

quyết vụ án và cũng không có ý kiến gửi tòa án là thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định; về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho anh Đinh Xuân T ly hôn chị Trần Thị H. Giao cháu Đinh Xuân Tr và cháu Đinh Tùng D cho anh T nuôi dưỡng. Chị H có quyền thăm nom con và không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T. Anh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Khi tòa án thụ lý vụ án, chị Trần Thị H cư trú tại thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã đi làm ăn, sinh sống nơi khác, không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú cũng như không thông báo cho Tòa án, người khởi kiện là cố tình giấu địa chỉ. Anh Đinh Xuân T, bà Đinh Thị K xin xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị H đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 19/3/2010 của UBND xã N, huyện H và trình bày của nguyên đơn, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị H đã biết yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng không có quan điểm, ý kiến gì, tự ý đi làm ăn, sinh sống nơi khác, không có sự đồng ý của anh T là thể hiện sự không quan tâm, bỏ mặc đối với anh T. Qua nội dung xác minh, lời khai của anh T, lời khai của bà H, HĐXX xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị H thiếu sự quan tâm, chăm sóc với nhau, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau từ nhiều năm. Cả anh T, chị H đều không không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân anh T cũng thừa nhận đã có tình cảm với người khác. Xét thấy, trong quá trình chung sống, anh T và chị H không còn tình cảm với nhau, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh T và chị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần cho anh T, chị H ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Đinh Xuân Tr và cháu Đinh Tùng D hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Theo lời khai của anh T và bà K thì chị H muốn nhận nuôi con chung. Cháu Đinh Xuân Tr cũng có nguyện vọng được ở

với mẹ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, tòa án không nhận được ý kiến của chị H và không có căn cứ để xác định điều kiện nuôi con của chị H (như về tính chất công việc, chỗ ăn ở, thu nhập, ...). Bên cạnh đó, từ nhiều năm nay, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, cháu D. Hiện nay, anh T có chỗ ở, có việc làm, thu nhập ổn định, các cháu vẫn đang sống cùng anh T và bố mẹ anh T, các cháu học tập và phát triển bình thường. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Tr và cháu D, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao các con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

[5] Anh T, chị H không yêu cầu tòa án giải quyết tài sản chung, công nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Anh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Xuân T.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đinh Xuân T và chị Trần Thị H

1.2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Đinh Xuân Tr, sinh ngày 25/01/2011 và Đinh Tùng D, sinh ngày 11/01/2013 cho anh Đinh Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đinh Xuân Tr, Đinh Tùng D đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Chị Trần Thị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Đinh Xuân T. Khi cần thiết, anh T, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Anh Đinh Xuân T phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/00984 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Anh T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Hoa Lư;*
- *THADS huyện Hoa Lư;*
- *UBND xã N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Kim Oanh